

<p>자기소개 발표내용소개</p>	<p>Xin chào tất cả các quý vị, tôi là Nhã ca , hiện đang học tại trường Hàn ngữ Kanata. 안녕하십니까? 현재 가나다 어학당에서 공부하고 있는 냐까라고 입니다. Nội dung mà tôi thuyết trình hôm nay là Tôi của 10 năm sau. 오늘 제가 발표하는 내용은 10년 후의 나입니다. Trước tiên, xin gửi lời cảm ơn đến thầy cô, các bạn trong lớp đã tham gia buổi thuyết trình 먼저 프레젠테이션에 참석해주신 선생님, 반 친구들께 감사드립니다. Tôi xin phép được bắt đầu</p>
<p>발표내용 (100-600자)</p>	<p>10 năm sau cuộc sống chúng ta sẽ như thế nào nhỉ? vốn dĩ con người không thể biết được bất cứ đi gì sẽ xảy ra trong tương lai. 10년후에(10년 후에) 우리 삶은 어떻게 될까요? 원래 사람들이 앞날 아무것도 생길지 잘 못 알 수 있어요(원래 사람들은 앞날에 무슨 일이 일어날지 잘 알 수 없어요). vì vậy có lẽ sẽ rất tò mò về tương lai bản thân. Tôi cũng vậy tuy không biết trước về tương lai nhưng cứ thử suy nghĩ 1 lần rồi tưởng tượng theo mong muốn của mình. 그렇게 해서 자기 미래를(그래서 자기 미래가) 너무 궁금한 것 같아요. 자도(저도) 장래 잘 모른 때 한번 생각하고 욕심에 따라서(?) 상상해 봐요. Điều mà tôi mong muốn nhất là ba mẹ còn sống hạnh phúc và khoẻ mạnh. Nếu thường xuyên được đi du lịch với ba mẹ</p>

thì thật là tốt quá.

체일(제일) 원하는 게 살고 있는 부모님은 행복하고 건강해요(부모님이 행복하고 건강하신 것이예요).

부모님과 같이 가끔 여행하면 좋겠어요.

Sau đó là gia đình sẽ sống vui vẻ. chồng tôi vì đã nhiều tuổi nên sức khoẻ ngày càng giảm đi. Để giữ gìn sức khoẻ nên mỗi ngày sẽ cùng nhau tập thể dục.

다음에는 우리 가족도(가족도) 모두 잘 지내고 있을(는) 거예요. 남편이 나이가 많아져서 건강이 날이 갈수록 줄어요( 많아지니까 날이 갈수록 건강이 달라져요). 우리 부부가 건강을 유지하기 위해서 매일 같이 운동할 거예요.

Lúc đó con gái đã được 15 tuổi có lẽ đã trở thành thiếu nữ dễ thương. Phải tập trung học hành và không nên có bạn trai.

그때(는) 우리 딸이 15 세 (15 살이) 돼서 사랑스러운 처녀 처럼 보일 같아요 (아가씨처럼 보일 것 같아요). 남자 친구가 있지 말고 고부를 집중해야 돼요.(남자 친구보다는 공부에 집중해야 돼요)

Nghe nói những đứa trẻ tuổi dậy thì tính tình trở nên bướng bỉnh và khó dạy . bây giờ mới nghĩ thôi mà đã lo lắng rồi.

사춘기를 맞이한 아이들은 외고집 성격으로 변하고 가르치기 너무 힘들다고 들었어요. 지금은 생각만 걱정이예요. (지금 생각만 해도 걱정이예요)

vì vậy từ bây giờ mong rằng con gái và bố mẹ càng ngày hiểu nhau hơn. Nếu mỗi năm đều được đi du lịch nước ngoài vài lần với gia đình thì tốt biết mấy.

그러면 지금부터 부모님과 우리 딸이 나날이 서로 말이 더 통하기 바라요(지금부터라도 우리 부부와 딸이 서로 대화 통하도록 노력하기를 바라요). 매년 여러 나라에 몇번(빠세요) 가족(가족)들과 같이 여행하면 좋겠어요.

cuối cùng tôi sẽ làm công việc thiện nguyện xã hội đồng thời làm tốt công việc kinh doanh của chính mình. bây giờ vì con gái còn nhỏ nên không thể đi làm việc tại công ty.

드디어 자신 사업가 잘 하면서 사회자원 봉사 활동할 거예요.(마지막으로 자선 사업가를 하면서 사회 자원봉사 활동할 거예요) 지금은 우리 딸이 어린이라서 회사에 못 다나갔어요(어려서 회사에 못 다녀요).

sau này nếu mình kinh doanh cá nhân thì có thể chủ động trong mọi việc. Khi nào có thời gian rảnh tôi sẽ giúp những trẻ em nghèo tới trường.

나중에 개인출자 사업하면 모든 일에서 주동할 수 있어요(무슨 말인가요?). 언제 시간이 날 때 가난한 아이들은 학교에 가는 것을 도와줘요.

Ngoài ra nếu những đứa trẻ không thể đến trường thì mở lớp và kêu gọi sự hỗ trợ của người khác. Nếu giúp đỡ người khác thì cuộc sống sẽ cảm thấy có ý nghĩa.

또한 어떤 아기들은 하교에 못 가면(아이들이 학교에 못 가면) 강좌를 개설하고 다른 사람들의 보조에 호소해요(후원을 요청해요). 다른 사람이(을) 도와주면 우리 삶은 보람을 느껴요.

## 결론

제가 발표한 내용은 여기까지 입니다. 경청해 주셔서 감사합니다

좋은점		극복해야 하는 점	점수
유창한가? (사전준비 정도 및 자신감, 자연스러운지 같이 평가)	자신감 있는 태도로 청중을 바라보며 큰 소리로 유창하게 말함		10/10
발음/억양이 정확한가?	비교적 명확한 발음으로 말함		8/10
문법이 정확한가?		격조사 사용에 있어 미숙한 점이 있음 맞춤법에 어긋나는 것이 많음	7/10
내용 (발표 내용 길이, 다양한단어사용여 부 같이 평가)	다양한 언어를 사용하여 10년 후 자신의 바람과 모습을 잘 설명했다		10/10
총점			35/40